

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/DS-PT

Ngày 18 - 6 - 2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu di dời nhà, tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Lịnh

Bà Đặng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời nhà, tài sản trên đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1946; địa chỉ: đường M, Phường V, Tp. R, Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Chiêm Hoàng O, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố Đ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 29/02/2020 (có vắng).

- Bị đơn:

1. Chị L Thị Anh Đ, sinh năm 1976 (có mặt).

2. Anh Lâm Văn L, sinh năm 1982 (có mặt).

3. Anh Lê Phước H1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

4. Chị Lâm Thị Thu H, sinh năm 1984 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Phước H1: Chị Lâm Thị Thu H, sinh năm 1984, theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2020 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, Kiên Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1 (vắng mặt).

2. NLQ2 (vắng mặt).

3. NLQ3 (vắng mặt).

4. NLQ4 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4: Ông Chiêm Thành L; địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang, theo giấy ủy quyền ngày 16/3/2020 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. NLQ5 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ5: Chị Lâm Thị Anh Đ, sinh năm 1976, theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2020 (có mặt).

6. NLQ6 (có mặt).

7. NLQ7 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Lâm Thị Anh Đ, anh Lâm Văn L, chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 – bị đơn; NLQ5, NLQ6 – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày: Phần diện tích đất tranh chấp 179,3m², trong đó diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 29m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên, diện tích đất chưa được cấp giấy là 150,3m², có nguồn gốc là của bà Lâm Thị Thao là bà ngoại của bà Huỳnh Thị H cho mẹ bà H tên là Đoàn Thị T, sau khi bà T chết thì bà T cho lại bà H. Vào năm 1945 thì ông ngoại của chị Lâm Thị Anh Đ, anh Lâm Văn L và chị Lâm Thị Thu H là ông Nguyễn Văn L có vào cất một căn nhà để ở trên phần diện tích đất này.

Sau đó, khi ông Lập cất nhà thì bà Nguyễn Thị Hết (là mẹ ruột của chị Đ, anh L và chị Thu H) đến ở chung với ông Lập, sau khi ông Lập chết thì bà Hết tiếp tục ở trên phần đất này với con là vợ chồng anh Lâm Văn L, NLQ6. Đến tháng 10 năm 2018 bà H chết thì vợ chồng anh L và NLQ6 tiếp tục ở trên nhà và phần đất này. Phần đất tranh chấp ngoài nhà vợ chồng anh L và chị D còn có 02 căn nhà của vợ chồng chị Đ, NLQ5 và vợ chồng chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 cất nhà trên phần diện tích đất này để ở, do đó trên phần diện tích đất này hiện nay có tổng cộng 03 căn nhà gồm:

1. Nhà của vợ chồng Lâm Văn L, NLQ6 tổng diện tích đất là 53,43m².
2. Nhà của vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ, NLQ5 tổng diện tích 74,3m² (trong đó trên đất bà H được cấp giấy là 17,4m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên, đất bà H chưa được cấp giấy là 56,9m²).
3. Nhà của vợ chồng chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 tổng diện tích khoảng 51,6m² (trong đó trên đất bà H được cấp giấy là 11,6m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên, đất bà H chưa được cấp giấy là 40m²).

Bà Đoàn Thị T có tổng cộng 05 người con chung gồm: NLQ1; NLQ2; NLQ3; NLQ4; bà Huỳnh Thị H. Ngoài ra bà T không có người con nào khác.

Nay yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp tổng cộng là 179,3m², trong đó diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 29m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên, diện tích đất chưa được cấp giấy là 150,3m² là thuộc quyền sử dụng của bà H.

Yêu cầu vợ chồng Lâm Văn L, NLQ6 di dời nhà và tài sản trên đất trả lại diện tích đất khoảng 53,43m² cho bà Huỳnh Thị H sử dụng.

Yêu cầu vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ, NLQ5 di dời nhà và tài sản trên đất để trả lại phần diện tích đất khoảng 74,3m² (trong đó trên đất bà H được cấp giấy là 17,4m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên, đất bà H chưa được cấp giấy là 56,9m²) cho bà Huỳnh Thị H sử dụng.

Yêu cầu vợ chồng chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 di dời nhà và tài sản trên đất để trả lại phần diện tích đất khoảng 51,6m² (trong đó trên đất bà H được cấp giấy là 11,6m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên, đất bà H chưa được cấp giấy là 40m²) cho bà Huỳnh Thị H sử dụng.

Bà Huỳnh Thị H tự nguyện đồng ý hỗ trợ cho vợ chồng anh L, NLQ6 số tiền là 130.000.000 đồng, trong đó 110.000.000 đồng là tiền giá trị căn nhà và tiền di dời 20.000.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị H tự nguyện đồng ý hỗ trợ tiền di dời cho vợ chồng chị Đ, NLQ5 số tiền là 20.000.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị H tự nguyện đồng ý hỗ trợ tiền di dời cho vợ chồng chị Thu H, anh H1 10.000.000 đồng.

Bị đơn chị Lâm Thị Anh Đ trình bày: Phần diện tích đất tranh chấp 179,3m², trong đó diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 29m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên, diện tích đất chưa được cấp giấy là 150,3m² có nguồn gốc là của bà Lâm Thị T (là bà ngoại của bà Huỳnh Thị H) cho mẹ bà H tên là Đoàn Thị T, sau khi bà T chết thì bà T cho lại bà H. Vào năm 1945 thì ông ngoại của chị là ông Nguyễn Văn L có vào cất một căn nhà để ở. Sau đó, mẹ ruột của chị là bà Nguyễn Thị H đến ở chung với ông ngoại của chị, sau khi ông L chết thì căn nhà này được giao bà H ở chung với vợ chồng anh Lâm Văn L và NLQ6. Đến năm 2016 thì vợ chồng anh Lâm Văn L, NLQ6 dỡ bỏ căn nhà cũ của bà H và xây nhà mới trị giá hơn 100.000.000 đồng. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp còn có hai căn nhà nữa là của vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ, NLQ5 và vợ chồng chị Lâm Thị Thu H và anh Lê Phước H1 cất trên phần diện tích đất tranh chấp trên, do đó trên phần đất tranh chấp này hiện nay có tổng cộng 03 căn nhà gồm:

1. Nhà của vợ chồng anh Lâm Văn L, NLQ6 tổng diện tích đất là 53,43m².

2. Nhà của vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ, NLQ5 tổng diện tích 74,3m² (trong đó trên đất bà H được cấp giấy là 17,4m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do UBND huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên, đất bà H chưa được cấp giấy là 56,9m²).

3. Nhà của vợ chồng chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 tổng diện tích 51,6m² (trong đó trên đất bà H được cấp giấy là 11,6m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do UBND huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên, đất bà H chưa được cấp giấy là 40m²).

Phần diện tích đất tranh chấp nguồn gốc là của mẹ bà Huỳnh Thị H tên bà Đoàn Thị T cho bà H không phải của gia đình chị nhưng hiện nay các anh chị em của chị đã cất nhà ở trên phần đất này rồi. Nay bà H yêu cầu các anh chị em của chị di dời nhà và tài sản trên đất để trả đất cho bà H sử dụng thì chị thống nhất di dời nhưng chị có ý kiến là bà H phải có trách nhiệm hỗ trợ cho mỗi gia đình là 300.000.000 đồng.

Nay chị tự nguyện thống nhất tháo dỡ, di dời nhà và tài sản để trả đất cho bà H nhưng chị Đ yêu cầu bà H phải hỗ trợ cho vợ chồng chị số tiền 300.000.000 đồng; Hỗ trợ cho vợ chồng anh Lâm Văn L, NLQ6 số tiền là 300.000.000 đồng; Hỗ trợ cho vợ chồng chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 số tiền là 300.000.000 đồng.

Bị đơn chị Lâm Thị Thu H, anh Lâm Văn L, anh Lê Phước H1 thống nhất trình bày của chị Lâm Thị Anh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5, NLQ6 thống nhất lời trình bày của chị Lâm Thị Anh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 là anh Chiêm Thành L trình bày: Phần đất tranh chấp là của bà Đoàn Thị T cho con tên là bà Huỳnh Thị H, nhưng hiện nay các ông bà không tranh chấp và thống nhất để lại cho bà H được toàn quyền sử dụng. Bà Đoàn Thị T có tổng cộng 05 người con chung gồm: 1. NLQ1, 2. NLQ2, 3. NLQ3, 4. NLQ4, 5. Huỳnh Thị H, ngoài những người này thì bà T không có người con nào khác.

Nay các ông bà không tranh chấp và đồng ý để lại diện tích đất tranh chấp cho bà Huỳnh Thị H được toàn quyền sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ7 trình bày: Ông có phần đất giáp ranh với phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị H với bị đơn chị Lâm Thị Anh Đ, anh Lâm Văn L. Hiện tại phần nhà của vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ, NLQ5 xây nhà trên diện tích đất của ông khoảng 02m ngang dài khoảng 07m, tổng diện tích là 13,2m². Nay bà Huỳnh Thị H tranh chấp với vợ chồng Lâm Thị Anh Đ thì ông không có ý kiến và cũng không có tranh chấp nếu sau này ông có tranh chấp thì ông sẽ kiện vợ chồng Lâm Thị Anh Đ thành vụ án khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H

1. Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích là 179,3m² (trong đó diện tích bà Huỳnh Thị H được cấp giấy là 29m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên và phần đất bà H chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 150,3m² nằm trong thửa đất 460, tờ bản đồ 18) là thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh Thị H.

2. Buộc vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ và NLQ5 có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất để trả lại diện tích đất 74,3m² (trong đó đất bà H chưa được cấp giấy có diện tích là 56,9m² nằm trong thửa đất 460,

tờ bản đồ 18 và đất bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 17,4m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên) cho nguyên đơn sử dụng, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. *(Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cùng với Tòa án huyện C, tỉnh Kiên Giang và Chứng Thư Định Giá ngày 20/9/2019 của Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn xây dựng Đ).*

3. Buộc vợ chồng chị Lâm Thị Thu H và anh Lê Phước H1 có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất để trả lại diện tích đất 51,6m² (trong đó đất bà H chưa được cấp giấy có diện tích là 40,6m² nằm trong thửa đất 460, tờ bản đồ 18 và phần đất bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 11,6m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên) cho nguyên đơn sử dụng, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. *(Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cùng với Tòa án huyện C, tỉnh Kiên Giang và Chứng Thư Định Giá ngày 20/9/2019 của Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn xây dựng Đ).*

4. Buộc vợ chồng anh Lâm Văn L và NLQ6 có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất để trả lại diện tích đất 53,4m² (nằm trong thửa đất 460, tờ bản đồ 18 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho nguyên đơn sử dụng, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. *(Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cùng với Tòa án huyện C, tỉnh Kiên Giang và Chứng Thư Định Giá ngày 20/9/2019 của Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn xây dựng Đ).*

5. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H tự nguyện hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời nhà và tài sản, giá trị nhà cho vợ chồng anh Lâm Văn L, NLQ6 số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), tự nguyện hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời nhà và tài sản cho vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ, NLQ5 số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tự nguyện hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời nhà và tài sản cho vợ chồng chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

6. Sau khi án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được công cộng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 150,3m² *(Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cùng với Tòa án huyện C, tỉnh Kiên Giang).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 11/12/2019 bị đơn chị Lâm Thị Anh Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5 cùng đơn kháng cáo yêu cầu bà Huỳnh Thị H hỗ trợ tiền di dời cho vợ chồng anh chị là 300.000.000 đồng để gia đình anh, chị có thể di dời, mua đất và xây nhà để ổn định cuộc sống.

Ngày 11/12/2019 bị đơn anh Lâm Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 cùng đơn kháng cáo yêu cầu bà Huỳnh Thị H hỗ trợ tiền di dời cho vợ chồng anh chị là 300.000.000 đồng để gia đình anh, chị có thể di dời, mua đất và xây nhà để ổn định cuộc sống.

Ngày 11/12/2019 bị đơn chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 cùng đơn kháng cáo yêu cầu bà Huỳnh Thị H hỗ trợ tiền di dời cho vợ chồng anh chị là 300.000.000 đồng để gia đình anh, chị có thể di dời, mua đất và xây nhà để ổn định cuộc sống.

Vợ chồng anh Lâm Văn L, NLQ6 có đơn thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Công nhận phần đất tranh chấp cho gia đình chúng tôi sử dụng hợp pháp do đã xác lập quyền sử dụng đất ổn định trên 30 năm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Lâm Thị Anh Đ cũng là người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5; bị đơn chị Lâm Thị Thu H cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Lê Phước H1 đều giữ nguyên đơn kháng cáo, yêu cầu bà Huỳnh Thị H hỗ trợ tiền di dời cho vợ chồng anh chị là 300.000.000 đồng để gia đình các anh, chị di dời, mua đất và xây nhà. Bị đơn anh Lâm Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, công nhận phần đất tranh chấp cho gia đình anh chị sử dụng vì đã xác lập quyền sử dụng đất ổn định trên 30 năm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H không đồng ý các đơn kháng cáo của vợ chồng chị Đ, anh NLQ5, vợ chồng anh L, chị NLQ6, vợ chồng anh H1, chị Thu H, nhưng bà Huỳnh Thị H tự nguyện hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời nhà và NLQ2 sản cho vợ chồng chị L Thị Anh Đ, anh NLQ5 tổng cộng là 30.000.000 đồng; hỗ trợ cho vợ chồng chị L Thị Thu H, anh Lê Phước H1 là 30.000.000 đồng; đối với vợ chồng anh L Văn L, NLQ6 giữ nguyên tiền hỗ trợ là 130.000.000 đồng.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lâm Thị Anh Đ, NLQ5, nguyên đơn hỗ trợ 30.000.000 đồng là không phù hợp nếu buộc họ tháo dỡ nhà cửa vật kiến trúc di dời thì sẽ làm hư hao các tài sản nên nguyên đơn cần hỗ trợ, bồi thường theo quy định như trong kết quả định giá là 97.645.100 đồng mới phù hợp. Chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng chị Thu H, anh H1, ghi nhận tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời nhà và tài sản là 30.000.000 đồng. Không chấp nhận kháng cáo và không xem xét thay đổi nội dung kháng cáo của vợ chồng anh L, NLQ6 và điều chỉnh án phí theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ7, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 là anh Chiêm Thành L có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt NLQ7, anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bị đơn anh Lâm Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ tiền di dời cho anh, chị là 300.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng anh L, NLQ6 gửi đơn kháng cáo qua đường bưu điện cho Tòa án cấp phúc thẩm thay đổi nội dung kháng cáo (đơn kháng cáo không ngày tháng năm) yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận phần đất tranh chấp cho gia đình anh chị sử dụng hợp pháp do đã xác lập quyền sử dụng đất ổn định trên 30 năm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H. Xét thấy, vợ chồng anh L, NLQ6 nộp đơn thay đổi đơn kháng cáo tại Tòa án cấp phúc thẩm là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu trong khi thời hạn kháng cáo đã hết, theo quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận thay đổi nội dung đơn kháng cáo của vợ chồng anh L, NLQ6.

[3] Bị đơn chị Lâm Thị Anh Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5 giữ nguyên đơn kháng cáo yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ tiền di dời nhà cho anh, chị là 300.000.000 đồng để di dời, mua đất và xây nhà ổn định cuộc sống; bị đơn anh Lê Phước H1, chị Lâm Thị Thu H giữ nguyên đơn kháng cáo yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ tiền di dời là 300.000.000 đồng để gia đình anh, chị di dời, mua đất và xây nhà để ổn định cuộc sống. Bị đơn anh Lâm Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6, Hội đồng xem xét đơn kháng cáo ban đầu

của anh L, NLQ6 là yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ tiền di dời cho anh, chị là 300.000.000 đồng.

Xét các đương sự (bà Huỳnh Thị H và chị Lâm Thị Anh Đ, anh Lâm Văn L, chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1) đều thừa nhận: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp có diện tích 179,3m² (được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 29m², còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 150,3m²) đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang là của cụ Lâm Thị T (bà Ngoại của bà H). Sau đó cụ Thao cho lại bà Đoàn Thị T (mẹ của bà H), sau khi bà T chết để lại cho bà H. Năm 1945 thì ông Nguyễn Văn L (ông ngoại của chị Đ, chị Thu H, anh L) vào cất nhà để ở, sau đó bà Nguyễn Thị H (mẹ của bị đơn) vào ở chung với ông L. Sau khi ông L chết thì căn nhà này giao cho bà H sử dụng, bà H ở chung với vợ chồng anh L, NLQ6. Đến năm 2016, vợ chồng anh L dỡ bỏ căn nhà cũ, cất lại căn nhà mới tổng diện tích 53,43m². Đến năm 2018 bà H chết, vợ chồng anh L tiếp tục ở trên căn nhà này. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp này còn có 02 căn nhà gồm: Căn nhà của vợ chồng chị Đ, NLQ5, tổng diện tích 74,3m² (trong đó, diện tích 17,4m² bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và căn nhà của vợ chồng chị Thu H, anh H1 tổng diện tích là 51,6m² (trong đó diện tích 11,6m² bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Việc xây nhà của bị đơn không hỏi ý kiến phía nguyên đơn hay có sự thỏa thuận nào khác.

Nay vợ chồng chị Đ, NLQ5, vợ chồng chị Thu H, anh H1 và vợ chồng anh L, NLQ6 đồng ý di dời nhà và tài sản trên đất để trả lại đất cho bà H diện tích đất trên và yêu cầu bà H hỗ trợ mỗi gia đình để di dời và mua đất cất nhà ở là 300.000.000 đồng. Xét kháng cáo của vợ chồng chị Đ, vợ chồng chị Thu H và vợ chồng anh L là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, tại cấp sơ thẩm vợ chồng chị Đ, NLQ5, vợ chồng chị Thu H, anh H1 và vợ chồng anh L, NLQ6 không có yêu cầu phản tố. Mặc dù, tại Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích quyền và nghĩa vụ, hậu quả pháp lý của việc phản tố nhưng bị đơn chị Đ vẫn từ chối làm đơn yêu cầu phản tố. Mặt khác, tổng giá trị tài sản tranh chấp của vợ chồng chị Đ, vợ chồng chị Thu H 1.187.955.384 đồng (quyền sử dụng đất và công trình trên đất) nhưng vợ chồng chị Đ, vợ chồng chị Thu H, vợ chồng anh L yêu cầu hỗ trợ 900.000.000 đồng là không hợp lý. Hơn nữa, vợ chồng chị Đ, vợ chồng chị Thu H, vợ chồng anh L yêu cầu chi phí tiền mua đất và chi phí để cất nhà là không hợp lý. Đồng thời, tại Công văn số 199/UBND-TNMT ngày 18/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C xác định “1. Phần đất tranh chấp hiện nay giữa bà Huỳnh Thị H với bà Lâm Thị Anh Đ, bà Lâm Thị Thu H, ông Lâm Văn L và ông Lê Phước H1 chưa được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất này vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bình thường, nếu không có xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Phần đất tranh chấp nói trên, theo hồ sơ địa chính thuộc thửa đất số 460, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.407m² do mẹ bà Huỳnh Thị H là bà Đoàn Thị T đứng tên, nhưng chưa được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có cung cấp đơn xác nhận của chị Đ ngày 20/02/2014 có nội dung như sau: “Vào năm 2003 do vợ chồng tôi không có nhà ở nên xin ở nhờ với cô tôi là bà Lâm Thị Thu H, trên phần đất của bà Huỳnh Thị H. Ngày 20/02/2014 cô tôi thỏa thuận với bà Huỳnh Thị Ngọc H (con của bà Huỳnh Thị H) trả lại phần đất đã ở nhờ từ trước và bà H hỗ trợ tiền cho bà H di dời đi nơi khác do tôi không có chỗ ở nên cô tôi xin bà H để lại phần nhà sau cho tôi ở nhờ khi nào cần sử dụng tôi sẽ trả đất cho bà H sử dụng”. Do đó, không có cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của vợ chồng chị Đ, NLQ5, vợ chồng chị Thu H, anh H1 và vợ chồng anh L, NLQ6.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H tự nguyện hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời nhà và tài sản cho vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ, NLQ5 thêm số tiền là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng, tự nguyện hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời nhà và tài sản cho vợ chồng chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 thêm số tiền là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng; đối với vợ chồng anh L, NLQ6 thì bà Huỳnh Thị H vẫn giữ nguyên tiền tháo dỡ, di dời nhà và tài sản, giá trị nhà cho vợ chồng anh Lâm Văn L, NLQ6 số tiền là 130.000 đồng.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn chị Lâm Thị Anh Đ, anh Lâm Văn L, anh Lê Phước H1, chị Lâm Thị Thu H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5, NLQ6. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[5] Án phí phúc thẩm: Bị đơn chị Lâm Thị Anh Đ, anh Lâm Văn L, anh Lê Phước H1, chị Lâm Thị Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5, NLQ6 không phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 166, 169, 186, 189, 190, 192, 194 Bộ Luật dân sự 2015; các Điều 96, 101, 166, 203 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy NLQ7 thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lâm Thị Anh Đ, anh Lâm Văn L, anh Lê Phước H1, chị Lâm Thị Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5, NLQ6.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

1. Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích là $179,3\text{m}^2$ (trong đó diện tích bà Huỳnh Thị H được cấp giấy là 29m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà Huỳnh Thị H đứng tên và phần đất bà H chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $150,3\text{m}^2$ nằm trong thửa đất 460, tờ bản đồ 18) đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang là thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh Thị H.

2. Buộc vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ và NLQ5 có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất để trả lại diện tích đất $74,3\text{m}^2$ (trong đó đất bà Huỳnh Thị H chưa được cấp giấy có diện tích là $56,9\text{m}^2$ nằm trong thửa đất 460, tờ bản đồ 18 và đất bà Huỳnh Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $17,4\text{m}^2$ nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà Huỳnh Thị H đứng tên) cho nguyên đơn sử dụng.

- Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích $56,9\text{m}^2$ có số đo cụ thể:

Cạnh 1 - 2 = $9,44\text{m}$ giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 2 - 3 = $6,20\text{m}$ giáp đất tranh chấp với chị L Thị Thu H.

Cạnh 3 - 4 = $8,91\text{m}$ giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 4 - 1 = $6,22\text{m}$ giáp đất của NLQ7.

- Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích $17,4\text{m}^2$ có số đo cụ thể:

Cạnh 4 - 3 = $8,91\text{m}$ giáp đất tranh chấp chưa được cấp giấy.

Cạnh 3 - 14 = $1,8\text{m}$ giáp đất bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 14 - 15 = $0,2\text{m}$ giáp đất bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 15 - 16 = $8,75\text{m}$ giáp mặt đường.

Cạnh 16 - 4 = $1,94\text{m}$ giáp đất của NLQ7.

- Buộc vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ và NLQ5 tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất diện tích đất $74,3\text{m}^2$, kết cấu: Khung cột thép + gỗ, mặt trước tường xây gạch dày 10cm , vách tole, nền lát gạch men + láng xi măng, xà gồ sắt, mái tole + sóng vuông. Cửa đi khung sắt đóng tole + lưới B40, cửa sổ có khung sắt bảo vệ. Nhà có hai phòng ngủ, cửa đi kính khung nhôm. Nhà vệ sinh nền lát gạch nhám, tường xây gạch dày 10cm , ốp gạch cao $0,6\text{m}$, thiết bị vệ sinh

xí bột. Cửa đi nhựa. Kích thước: (1,4 x 1,9)m. Mai che khung cột thép, nền láng xi măng, xà gồ gỗ, mái tole sóng vuông. Giếng khoan (01 giếng): Loại không gắn tay bơm.

3. Buộc vợ chồng chị Lâm Thị Thu H và Lê Phước H1 có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất để trả lại diện tích đất 51,6m² (trong đó đất bà H chưa được cấp giấy có diện tích là 40m² nằm trong thửa đất 460, tờ bản đồ 18 và phần đất bà Huỳnh Thị H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 11,6m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 724493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/5/2019 cho bà H đứng tên) cho nguyên đơn sử dụng.

- Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 40m² có số đo cụ thể:

Cạnh 2 - 11 = 6,45m giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 11 - 12 = 6,2m giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 12 - 3 = 6,45m giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 3 - 2 = 6,2m giáp đất tranh chấp với chị Lâm Thị Anh Đ.

- Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 11,6m² có số đo cụ thể:

Cạnh 3 - 12 = 6,45m giáp đất tranh chấp chưa được cấp giấy.

Cạnh 12 - 13 = 1,8m giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 13 - 14 = 6,45m giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 14 - 3 = 1,8m giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

- Buộc vợ chồng chị Lâm Thị Thu H và anh Lê Phước H1 tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất diện tích đất 51,6m², kết cấu: Khung cột gỗ, mặt trước tường xây gạch dày 10cm, vách tole, nền láng xi măng, xà gồ gỗ, mái tole sóng tròn + sóng vuông. Cửa đi trước và cửa sau khung gỗ đóng tole.

4. Buộc vợ chồng anh Lâm Văn L và NLQ6 có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất để trả lại diện tích đất 53,4m² (nằm trong thửa đất 460, tờ bản đồ 18 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho nguyên đơn sử dụng.

- Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 53,4m² có số đo cụ thể:

Cạnh 5- 6 = 12,30m giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 6 - 7 = 5,0m giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 7 - 8 = 3,0m giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

Cạnh 8 - 9 = 1,0m giáp đất của bà Huỳnh Thị H

Cạnh 9 - 10 = 9,30m giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

Cạnh $10 - 5 = 4,20\text{m}$ giáp đất của bà Huỳnh Thị H.

- Buộc vợ chồng anh Lâm Văn L, NLQ6 tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất diện tích đất $53,4\text{m}^2$, kết cấu: Khung cột gỗ, tường xây gạch dày $10\text{cm} + \text{tole}$, nền lát gạch men, trần thạch cao, xà gồ gỗ, mái tole sóng vuông. Cửa đi cửa sắt kéo có lá, cửa sau kính khung sắt, có khung sắt bảo vệ. Nhà có hai phòng ngủ tường xây gạch dày 10cm , ốp gạch cao $0,8\text{m}$, cửa đi kính khung nhôm. Nhà vệ sinh nền lát gạch nhám, tường xây gạch dày 10cm , ốp gạch cao $0,9\text{m}$, thiết bị vệ sinh xí bệt. Kích thước: $(1,5 \times 1,6)\text{m}$. Hàng ba: Khung cột BTCT, lan can xây gạch cao $0,7\text{m}$, lát gạch men, xà rồ gỗ, mái tole sóng vuông.

Các phần đất đều tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang và Tờ trích đo địa chính số: TĐ 218 – 2019 (562 – 18) của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Kiên Giang và Chứng Thư Định Giá ngày 20/9/2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Định Giá Tư Vấn xây dựng Đ).

Vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ, NLQ5; vợ chồng chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 và vợ chồng chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 được quyền lưu cư trên phần đất này trong thời hạn là 06 (sáu) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H tự nguyện hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời nhà và tài sản, giá trị nhà cho vợ chồng anh Lâm Văn L, NLQ6 số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), tự nguyện hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời nhà và tài sản cho vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ, NLQ5 số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), tự nguyện hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời nhà và tài sản cho vợ chồng chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận hoặc theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Sau khi án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được công nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích $150,3\text{m}^2$ (theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang kết hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Kiên Giang).

7. Về án phí và chi phí tố tụng khác

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng chị Lâm Thị Anh Đ, NLQ5 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí. Buộc vợ chồng chị Lâm Thị Thu H, anh Lê Phước H1 chịu 300.000 đồng

tiền án phí. Buộc vợ chồng anh Lâm Văn L, NLQ6 phải nộp là 300.000 đồng tiền án phí.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009402 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho bị đơn chị L Thị Anh Đ, anh Lâm Văn L, anh Lê Phước H1, chị Lâm Thị Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5, NLQ6 tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000 đồng, theo các biên lai thu số 0005450, 0005445, 0005448, 0005447, 0005449, 0005446 cùng ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 966.000 đồng, theo biên lai thu số: 0000250 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, bà Huỳnh Thị H tạm ứng chi phí này nhưng nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền trên, xét thấy sự tự nguyện của nguyên đơn là hợp pháp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản với số tiền là 5.227.000 đồng theo biên lai thu số: 0000060, ngày 04/10/2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Định Giá Tư vấn xây dựng Đ. Bà Huỳnh Thị H tạm ứng chi phí này nhưng nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền trên, xét thấy sự tự nguyện của nguyên đơn là hợp pháp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên